TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 163/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 12- 4 - 2022
V/v tranh chấp về ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Lan.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Lê Hoàng Minh

2/ Bà Đỗ Thị A

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Thảo Sương – Thư ký Tòa án, Toà án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 12 tháng 04 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 277/2021/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2021 về tranh chấp về ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 39/2022/QĐHPT-ST ngày 15 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Hồng H, sinh năm 1985 (có đơn xin vắng mặt).

Thường trú: Hiếu Minh B, Hiếu Nhơn, Vũng Liêm, Vĩnh Long.

Tạm trú: 372/53 đường ĐBP, Phường N, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Nguyễn Tuấn A, sinh năm 1988 (Vắng mặt).

Địa chỉ: 372/53 đường ĐBP, Phường N, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 11/5/2021 và lời khai tại Tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng H trình bày:

Bà và ông Nguyễn Tuấn A tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 65/2014, quyển số 01/2014 do Ủy ban nhân dân xã Mỹ Lệ, huyện Cần Đước, tỉnh Long An cấp ngày 07/07/2014.

Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc, sau đó vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn về lối sống, quan điểm sống. Nhiều lần hai bên đã ngồi lại nói chuyện nhưng mâu thuẫn vẫn ngày càng căng thẳng. Nhiều lần làm đơn ly hôn, cả hai cũng đều cho nhau cơ hội nhưng mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, để ổn định cuộc sống bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án chấp nhận yêu cầu được ly hôn với ông Tuấn A .

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Mai A, sinh ngày 11/8/2014 và Nguyễn Tuấn H, sinh ngày 18/10/2017. Bà H yêu cầu nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông Tuấn A cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: bà H khai không có.

Trong quá trình Toà án giải quyết vụ án, từ khi thụ lý vụ án, Toà án đã tiến hành triệu tập ông Tuấn A đến Toà để tiến hành mở phiên họp công khai chứng cứ, hoà giải và tham gia phiên tòa nhưng ông Tuấn A đều vắng mặt không có lý do và cũng không cung cấp các tài liệu chứng cứ đối với yêu cầu khởi kiện của bà H mặc dù ông biết việc bà H yêu cầu ly hôn và trực tiếp ký nhận các văn bản của Tòa án tống đạt.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và có đơn xin vắng mặt tham gia tố tụng.

Bị đơn vắng mặt không có ý kiến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Toà án nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng và thẩm quyền: Xét đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng H yêu cầu ly hôn là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, bị đơn ông Nguyễn Tuấn A cư trú tại Quận 10 nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét, nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Nguyễn Tuấn A vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1, 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 65/2014, quyển số 01/2014 do Ủy ban nhân dân xã Mỹ L, huyện Cần Đ, tỉnh Long A cấp ngày 07/07/2014, có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Hồng H và ông Nguyễn Tuấn A là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn:

Xét, lời trình bày của bà H, quá trình chung sống vợ chồng luôn xảy ra mâu thuẫn về quan điểm sống, lối sống. Cả hai đã cho nhau cơ hội hàn gắn nhưng giữa hai người không còn tình cảm, không tôn trọng và yêu thương nhau

nữa. Bà H yêu cầu Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà để bà được ổn định cuộc sống.

Xét, bị đơn ông Nguyễn Tuấn A đã được Tòa án triệu tập ông đến Tòa để hòa giải nhằm gắn kết mối quan hệ vợ chồng nhưng ông không đến Tòa, việc ông không đến Tòa cho thấy ông không còn quan tâm và mong muốn hàn gắn mối quan hệ vợ chồng với bà H nữa.

Mục đích của việc xác lập hôn nhân là nhằm gắn bó quan hệ giữa người nam và người nữ trong quan hệ vợ chồng, để họ chung sống với nhau và xây dựng gia đình bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc, bền vững. Xét thấy quan hệ vợ chồng không còn, trách nhiệm giữa đôi bên với nhau không có nên tình trạng vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Nếu tiếp tục chung sống thì không những không đem lại niềm vui, hạnh phúc mà còn đem lại sự đau khổ cho đôi bên, tình trạng đó ảnh hưởng xấu đến việc chăm sóc và giáo dục con cái. Do vậy, từ những phân tích trên Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Mai A, sinh ngày 11/8/2014 và Nguyễn Tuấn H, sinh ngày 18/10/2017. Bà H yêu cầu được nuôi dưỡng hai con chung. Yêu cầu này ông Tuấn A cũng không phản đối và cũng phù hợp với nguyện vọng của trẻ. Do vậy, việc giao con chung cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng được Tòa án chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do bà H không yêu cầu ông Tuấn A phải cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án ghi nhận sự tự nguyện của bà H không yêu cầu ông Tuấn A cấp dưỡng nuôi hai con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà H tự khai không có.

- Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Bà H là nguyên đơn trong vụ án ly hôn, nên phải chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH14 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự,

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 24 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH14 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội

quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Hồng H được ly hôn với ông Nguyễn Tuấn A.

- Về con chung: Giao hai con chung tên Nguyễn Mai A, sinh ngày 11/8/2014 và Nguyễn Tuấn H, sinh ngày 18/10/2017 cho bà Nguyễn Thị Hồng H nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà H không yêu cầu ông Tuấn A cấp dưỡng nuôi con.

Ông Tuấn A có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai có quyền cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người đang trực tiếp nuôi con.

Vì quyền lợi về mọi mặt của con, khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con hoặc hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà H khai không có.

2. Án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, bà H chịu, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền số 0050304 ngày 19/5/2021 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc tống đạt bản án hợp lệ./.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM,
- VKSND Q.10,
- Chi cục THADS Q.10,
- UBND xã Mỹ L, huyện Cần Đ; Long A ;
- Các đương sự,
- Lưu VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Phương Lan